

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm mạnh ngay khi mới mở cửa phiên sáng. Chỉ số gần như dành cả ngày giằng co trong vùng 1,650 – 1,675 trước khi đóng cửa tại mốc 1,652.79 điểm, giảm gần 7% so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó 16/18 ngành giảm trên 5%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng; trong trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm xuống vùng hỗ trợ tiếp theo, tương đương 1,580 – 1,600 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 09/03/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-115.05** điểm, đóng cửa tại **1652.79** điểm. HNX-Index **-18.28** điểm, đóng cửa tại **235.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HRC (+0.03)**, **DCL (+0.01)**, **TNC (+0.01)**, **PNC (+0.00)**, **SFC (+0.00)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-17.78)**, **VCB (-7.58)**, **VHM (-5.73)**, **BID (-4.45)**, **CTG (-4.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **38,339** tỷ đồng, tăng **28.08%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 41,120 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 106.05 điểm. Thị trường có **11** mã tăng, 10 mã tham chiếu, **366** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-372.18** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-176.29 tỷ)**, **FPT (-161.41 tỷ)**, **STB (-160.61 tỷ)**, **PLX (-117.31 tỷ)**, **HPG (-84.10 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **105.77** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-6.64%**. Các mã diễn biến tích cực:
- BSC50 **-6.87%**. Các mã diễn biến tích cực:

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-6.64%	-6.87%	-6.51%	-6.48%
1 tuần	-9.70%	-10.68%	-10.47%	-11.44%
1 tháng	-6.35%	-6.26%	-5.85%	-8.38%
3 tháng	-1.33%	-2.35%	-5.40%	-9.75%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,652.79	235.36	119.35
% 1D	-6.51%	-7.21%	-5.91%
GTKL (tỷ VND)	38,339	3,059	1,874
%1D	28.08%	24.54%	76.24%
GDNN (tỷ VND)	-372.18	105.77	-8.64

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	138.46	VHM	-176.29
VNM	120.35	FPT	-161.41
BSR	101.65	STB	-160.61
GAS	70.16	PLX	-117.31
PVT	58.25	HPG	-84.10

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	-1.33%	-2.02%
FTSE100	-1.51%	-6.03%
Eurostoxx	-1.51%	-6.51%
Shanghai	-0.67%	-2.06%
Nikkei	-5.20%	-9.21%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	-	-100.00%
Giá vàng	-	-100.00%

Tỷ giá

	Giá trị	%
USD/VND	26,311	0.01%
EUR/VND	31,061	-0.57%
JPY/VND	170	0.00%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	4.2%
LS LNH 1M	7.1%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	72.40	6.94%	0.03	0.03
DCL	55.00	1.10%	0.01	0.07
TNC	28.80	6.27%	0.01	0.02
PNC	26.30	6.91%	0.00	0.01
SFC	18.70	6.86%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

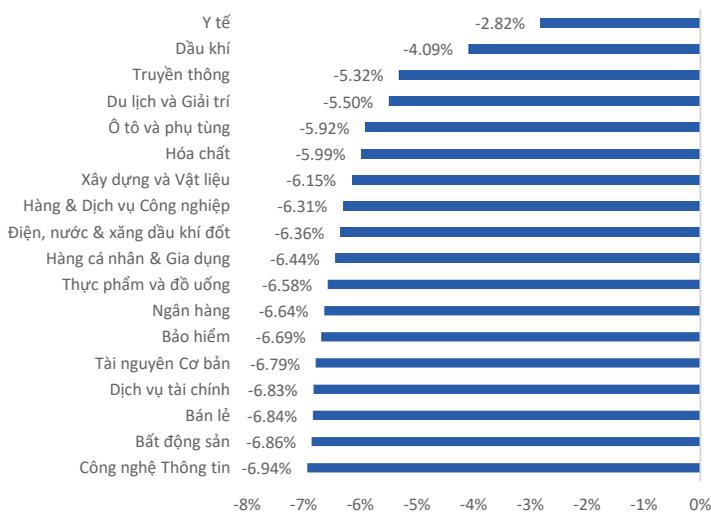
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PHN	69.40	9.98%	0.03	0.01
SJ1	13.00	8.33%	0.03	0.04
WCS	283.50	4.92%	0.03	0.00
GDW	40.00	6.67%	0.02	0.01
SEB	47.50	1.28%	0.01	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	72.40	6.94%	0.03	0.01
PNC	26.30	6.91%	0.00	0.00
SFC	18.70	6.86%	0.00	0.00
TNC	28.80	6.27%	0.01	0.00
DXV	3.94	3.68%	0.00	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PHN	69.40	9.98%	0.21	0.00
ONE	9.80	8.89%	0.03	0.34
PMP	14.00	8.53%	0.02	0.00
NSH	5.10	8.51%	0.04	0.84
SJ1	13.00	8.33%	0.20	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	145.60	-6.96%	-17.78	7.73
VCB	57.30	-6.98%	-7.58	8.36
VHM	88.40	-6.95%	-5.73	4.11
BID	40.55	-6.89%	-4.45	7.02
CTG	33.20	-6.87%	-4.02	7.77

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

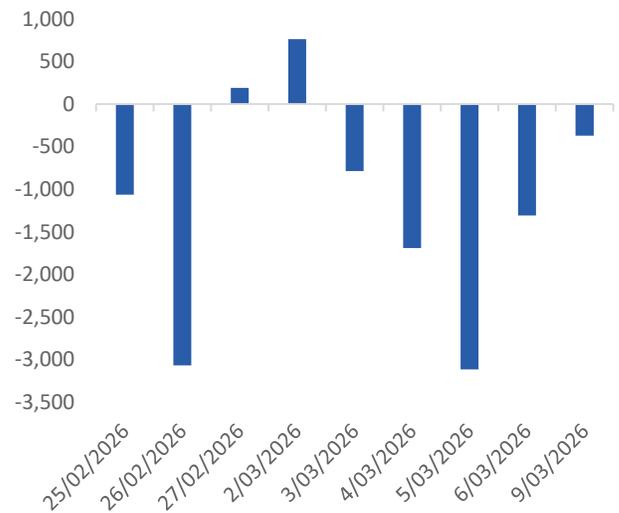
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	69.80	-9.94%	-3.80	0.90
KSV	148.80	-9.98%	-1.81	0.20
PVS	45.90	-10.00%	-1.43	0.51
NVB	10.20	-9.73%	-1.16	1.92
PVI	74.70	-10.00%	-1.07	0.23

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCC	9.30	-7.00%	-0.01	0.01
SMA	7.44	-7.00%	0.00	0.00
TNT	9.30	-7.00%	-0.01	0.87
APH	5.45	-7.00%	-0.02	0.60
BCM	54.50	-7.00%	-0.90	0.84

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	148.80	-9.98%	-12.53	0.13
NTP	56.00	-9.97%	-4.03	1.00
BVS	27.10	-9.97%	-0.82	0.47
CEO	14.50	-9.94%	-3.45	9.58
KSF	69.80	-9.94%	-26.32	0.04

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.0	-6.9%	1.2	113,069	505.4	4,777	16.1	113,000	47.7%	Link
KBC	Bất động sản	29.9	-6.9%	1.3	28,158	282.1	2,500	12.0	46,000	11.1%	Link
KDH	Bất động sản	24.0	-6.8%	1.1	26,877	99.8	943	25.4	39,900	29.2%	Link
PDR	Bất động sản	14.6	-6.7%	1.4	14,518	40.6	531	27.4	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	88.4	-7.0%	1.2	363,095	1526.4	10,008	8.8	119,600	8.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	75.9	-7.0%	0.7	129,296	1426.8	5,511	13.8	124,400	34.5%	Link
BSR	Dầu khí	36.1	-2.6%	0.0	180,764	1370.6	1,036		23,200	2.1%	Link
PVS	Dầu khí	45.9	-10.0%	1.5	23,474	970.7	3,560	12.9	52,300	15.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	21.8	-6.9%	1.2	23,489	272.4	1,454	15.0	-	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	29.3	-7.0%	1.2	72,989	986.7	1,998	14.7	-	32.6%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	35.4	-7.0%	1.1	30,051	254.4	1,849	19.1	-	18.5%	Link
DCM	Hóa chất	46.1	-7.0%	0.9	24,379	803.5	3,702	12.4	40,200	7.2%	Link
DGC	Hóa chất	71.0	-2.9%	0.9	26,964	778.0	7,965	8.9	109,300	8.0%	Link
ACB	Ngân hàng	21.7	-6.9%	0.9	111,465	773.2	3,042	7.1	27,100	27.1%	Link
CTG	Ngân hàng	33.2	-6.9%	1.2	257,863	591.5	4,454	7.5	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	24.1	-7.0%	1.1	120,627	777.1	3,432	7.0	32,700	22.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.9	-6.9%	1.1	200,167	1975.5	3,325	7.5	33,000	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	10.8	-6.9%	0.9	33,696	198.1	1,804	6.0	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	60.8	-4.7%	0.9	114,621	2376.0	3,150	19.3	-	14.3%	Link
TCB	Ngân hàng	29.3	-7.0%	1.1	207,273	1290.8	3,577	8.2	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.7	-6.8%	1.2	43,553	456.3	2,660	5.9	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.3	-7.0%	1.0	478,780	1692.4	4,210	13.6	75,800	20.6%	Link
VIB	Ngân hàng	15.7	-6.3%	0.8	53,273	392.4	2,143	7.3	23,000	4.7%	Link
VPB	Ngân hàng	24.8	-6.9%	1.3	196,761	1020.9	3,024	8.2	36,500	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.4	-7.0%	1.1	194,573	3122.3	2,013	12.6	32,200	22.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.8	-6.8%	1.3	8,570	100.8	1,012	13.6	15,700	4.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	22.9	-6.9%	1.0	8,813	153.2	3,915	5.9	28,800	1.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.2	-7.0%	1.2	98,611	298.3	2,710	25.2	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.1	-6.9%	0.6	121,426	1053.5	4,503	12.9	78,000	48.5%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.7	-6.93%	1.2	9,212	131.3	2,494	16.7	20.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	140.1	-6.97%	0.8	23,859	163.2	4,667	30.0	32.5%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	71.3	-6.92%	1.1	52,928	35.9	3,996	17.8	27.3%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	12.7	-6.64%	1.3	10,075	117.8	990	12.8	2.3%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	13.2	-6.74%	1.3	14,628	83.7	229	57.6	20.9%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	17.3	-6.99%	1.3	3,456	39.7	2,559	6.8	1.6%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	26.0	-6.82%	1.2	9,601	38.2	1,907	13.6	19.2%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	39.0	-9.93%	1.7	14,800	285.6	5,090	7.7	13.9%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	24.2	-6.92%	1.2	11,739	108.9	1,805	13.4	40.7%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	54.3	-6.86%	1.0	13,147	104.1	5,601	9.7	2.8%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	28.3	-6.91%	1.2	5,094	23.6	1,917	14.8	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	12.9	-6.88%	1.5	11,721	131.0	416	30.9	10.0%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	145.6	-6.96%	1.1	1,121,998	942.8	1,739	83.7	2.8%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	24.5	-6.86%	1.1	55,558	76.1	2,837	8.6	11.6%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	29.3	-6.85%	1.2	6,812	13.7	1,700	17.2	38.0%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	57.7	-6.94%	0.8	73,313	790.3	2,122	27.2	15.1%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	39.5	-6.62%	0.8	21,957	839.7	1,866	21.2	12.1%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	27.8	-6.88%	1.2	9,615	35.9	1,161	23.9	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	24.3	-10.00%	1.6	16,215	279.1	1,884	12.9	0.7%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	104.3	-6.96%	0.9	251,671	582.9	4,730	22.1	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.6	-6.87%	1.2	41,569	225.3	830	16.3	3.5%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	57.7	-6.94%	0.6	31,254	133.7	4,668	12.4	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	153.0	-2.17%	0.8	90,517	171.2	3,728	41.1	6.5%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.2	-6.88%	1.7	29,915	160.7	1,638	20.2	7.6%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72.6	-6.92%	1.0	30,964	112.6	3,986	18.2	40.9%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.6	-6.98%	0.9	9,895	330.5	6,258	9.4	7.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28.6	-6.84%	0.6	13,440	712.1	2,210	12.9	11.5%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	90.8	-6.97%	1.0	11,058	83.7	3,325	27.3	5.4%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	106.5	-6.99%	1.1	36,332	228.7	8,353	12.8	48.7%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.8	-6.86%	0.9	2,661	19.7	2,402	9.9	48.4%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.0	-9.84%	1.6	2,832	42.5	3,163	7.0	21.5%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	30.0	-3.85%	0.8	20,364	1289.8	1,579	19.0	5.9%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	35.2	-6.89%	1.4	140,600	64.2	1,406	25.0	0.7%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	20.6	-6.80%	1.2	38,279	428.0	610	33.7	3.6%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	40.4	-4.50%	0.4	120,537	307.4	3,824	10.6	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	12.7	-6.96%	0.5	21,789	47.7	2,438	5.2	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	10.4	-6.73%	0.8	27,696	40.0	1,513	6.9	19.6%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.5	-6.90%	1.3	6,042	59.1	461	29.3	5.5%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.0	-6.90%	1.2	6,111	24.3	3,754	6.1	3.2%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.6	-6.87%	0.5	10,504	51.4	341	101.3	4.2%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.5	-6.91%	0.5	54,445	151.0	3,449	12.3	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.1	-6.93%	1.0	12,367	92.8	6,073	9.1	20.5%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.5	-6.95%	0.5	11,501	49.7	15,010	9.4	83.5%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.2	-6.93%	1.1	8,009	69.2	7,388	10.2	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	78.6	-6.98%	1.2	8,991	69.0	5,244	15.0	5.5%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	40.5	-6.90%	1.2	4,803	23.6	3,200	12.7	19.3%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.0	-6.78%	1.1	6,019	53.3	1,194	9.2	10.2%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.2	-6.93%	1.0	10,776	177.9	2,553	10.3	16.0%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	18.7	-6.98%	0.9	12,057	265.7	6,084	3.1	3.1%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.8	-6.96%	1.4	19,189	28.8	3,130	13.7	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
2	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
3	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
4	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
6	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
7	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
8	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
9	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
10	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
13	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
18	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
19	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
20	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>